CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

info@agtex28-1.com

(028) 38 940 914

www.agtex28-1.com

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1
THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

CHƯƠNG 2
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CHƯƠNG 3
ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán

CHƯƠNG 4
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 5
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

CHƯƠNG 6
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tác động lên môi trường
Chính sách liên quan đến người lao động
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

CHƯƠNG 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG TIN CHUNG

07 Thông tin khái quát

12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

13 Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

15 Định hướng phát triển

17 Các rủi ro

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
Tên giao dịch bằng Tiếng Anh	28.1 JSC
Tên viết tắt	28.1 JSC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	0304484232 được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp phép hoạt động lần đầu tiên vào ngày 01/08/2016, đăng ký thay đổi lần lần thứ 6 vào ngày 03/03/2022
Vốn điều lệ	48.633.860.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	48.633.860.000 đồng
Địa chỉ	Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(028) 38 940 914
Số fax	(028) 38 941 668
Website	www.agtex28-1.com
Mã cổ phiếu	AG1

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1991

Tiền thân là Cơ Sở 1 Xí nghiệp may X 28 - Tổng cục Hậu cần, thành lập ngày 02/12/1991, có trụ sở tại số 3 Nguyễn Oanh, P.10 Q. Gò Vấp, TP.HCM. Sản phẩm sản xuất chính là quân phục cho các quân, binh chủng trong quân đội theo nhiệm vụ cấp trên giao và sản xuất veston nam cao cấp để xuất khẩu sang thị trường Tây Âu, Nhật và Mỹ.

1992

Xí nghiệp may X 28 đổi tên thành Xí nghiệp may 28.1.

1998

Tiếp tục đổi tên thành Xí nghiệp may 1- công ty 28.

1999

Xí nghiệp này được Tổng cục Hậu cần tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng.

2006

Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng đã ra quyết định chuyển Xí nghiệp 1 thuộc Công ty 28 - Tổng cục Hậu cần thành Công ty TNHH một thành viên 28.1.

2015

Căn cứ theo quyết định số 2103/QĐ-BQP của Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng ngày 04/06/2015 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên 28.1 thuộc Tổng cục hậu cần - Bộ Quốc Phòng, Công ty đã đánh giá tài sản, xây dựng phương án cổ phần hóa Công ty cổ phần.

Kỷ niệm 40 năm truyền thống Tổng Công ty 28.

2016

30/05/2016: Bộ Quốc Phòng phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV 28.1 thuộc Tổng Công ty 28 thành Công ty cổ phần.

04/07/2016: Công ty đã tổ chức IPO tại CTCP chứng khoán Quân đội và tổ chức ĐHĐCĐ lần thức nhất vào ngày 24/09/2016.

29/09/2016: Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 30/09/2016 với số vốn điều lệ là 48.633.860.000 đồng.

2020 - nay

Từ năm 2020 đến nay, Công ty hoạt động ổn định dưới sự quản lý của ban điều hành Công ty Cổ phần 28.1.

CÁC GIẢI THƯỞNG, THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

AG1 AWARD

Năm	Giải thưởng đạt được
1999	Xí nghiệp này được Tổng cục Hậu cần tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng.
2012	Đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động Thời kì đổi mới.
2015	Đón nhận huân chương lao động hạng nhất.
2022	Đạt giải Nhất Hội thi Thợ giỏi ngành may toàn quân lần thứ V

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Công ty chuyên sản xuất hàng may mặc;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

SẢN PHẨM CHÍNH

- Công ty chuyên sản xuất hàng may mặc;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam và hoạt động xuất khẩu ra thị trường nước ngoài tập trung chủ yếu ở các nước Mỹ, EU, Hongkong, Úc...

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý, điều hành kinh doanh của Công ty.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

- **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành công ty theo đúng quy định. Ban kiểm soát đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty.

- **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty dựa trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm điều hành Công ty

BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty CP 28.1 không có công ty con và công liên kết.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Hơn 32 năm lịch sử, hoạt động trong ngành may mặc, Công ty luôn tìm tòi, nghiên cứu và làm việc theo phương châm "Chất lượng tốt nhất, giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hẹn". Từ đó, tạo nên những giá trị riêng của Công ty trong lòng của Khách hàng và cổ đông.

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Công ty phấn đấu trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực may mặc, cung cấp những bộ âu phục, quân trang phù hợp nhất và chất lượng nhất cho từng đối tượng khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, Công ty CP 28.1 không ngừng phấn đấu, nghiên cứu ra các phương pháp may hiện đại, phù hợp với xu hướng, đồng thời đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân lực tay nghề cao, mang đến những sản phẩm chất lượng nhất cho từng nhu cầu thời trang của từng đối tượng khác nhau.

VĂN HÓA CÔNG TY

Học tập:

- Công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện và cơ hội để nhân viên học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực bản thân.
- Tập thể Công ty luôn chủ động tìm tòi, học hỏi và áp dụng phương pháp kỹ thuật tiên tiến nhằm thúc đẩy hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm đầu ra.
- Khuyến khích nhân viên luôn cập nhật các xu thế thời trang, thị hiếu của khách hàng để phục vụ tốt nhất yêu cầu người dùng.

Đồng đội:

- Động viên, thúc đẩy tin thần đoàn kết, gắn bó trong nội bộ công ty bằng việc thường xuyên tổ chức các cuộc họp mở để mọi người chia sẻ quan điểm cũng như là khó khăn của bản thân để tập thể cùng giải quyết, giúp tăng năng suất công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Luôn luôn đảm bảo đầy đủ lợi ích, quyền lợi của mỗi nhân viên trong tập thể Công ty.

GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỐT LÕI

Công ty Cổ phần 28.1 coi trọng việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp cốt lõi, với mục tiêu tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết và sáng tạo. Giá trị văn hóa cốt lõi của Công ty bao gồm:

- Sự chuyên nghiệp: Công ty đảm bảo mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và nhu cầu của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, công ty đặt sự chuyên nghiệp lên hàng đầu trong mọi hoạt động của mình.
- Tôn trọng nhân viên: Nhân viên là tài sản quý giá nhất của công ty, do đó, Công ty luôn đảm bảo một môi trường làm việc công bằng, tôn trọng và động viên nhân viên phát triển bản thân.
- Tinh thần đoàn kết: Công ty luôn khuyến khích tinh thần đoàn kết và hợp tác trong công việc. Công ty cũng tạo điều kiện cho nhân viên đưa ra ý kiến, trao đổi và thực hiện.
- Trung thực: Công ty luôn hành động trung thực và minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo sự tin tưởng và tôn trọng từ phía khách hàng, đối tác và cổ đông.

Đây là những giá trị văn hóa cốt lõi giúp công ty đạt được mục tiêu của mình và đem lại giá trị cho các bên liên quan, bao gồm công ty, nhân viên và cổ đông.

Chất lượng:

- Không ngừng tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu cung ứng tốt, với giá thành hợp lý. Cùng với đó là đội ngũ kỹ thuật viên tay nghề cao sẽ tạo ra những thành phẩm tối ưu nhất cho khách hàng.
- Áp dụng các công nghệ, máy móc may tiên tiến nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty và đảm bảo tiến độ giao hàng cho các đối tác.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác dịch vụ khách hàng, gắn bó, tạo mối quan hệ bền vững với khách hàng. Từ đó tạo hình ảnh đẹp của Công ty trong lòng người tiêu dùng cũng như trên thị trường.

Tinh thần kinh doanh:

- Khuyến khích tinh thần tự chủ của mọi thành viên, tạo môi trường chủ động sáng tạo thể hiện khả năng của mỗi người. Không phụ thuộc cũng như là e ngại cấp trên. Kết quả sẽ là tiêu chuẩn tốt nhất đánh giá năng lực mỗi người.
- Tạo môi trường làm việc với "sáng kiến, sáng tạo, đổi mới" sẽ là phong cách sống của mỗi cán bộ công nhân viên Công ty.
- Mọi sự đóng góp của các thành viên trong quá trình đổi mới phương thức hoạt động hiệu quả đều được trân trọng và đền đáp xứng đáng.

Thành công:

- Phấn đấu đạt mục tiêu đề ra.
- Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà cung cấp, khách hàng và Công ty. Từ đó tạo sự phát triển bền vững.
- Cố gắng đưa sản phẩm chủ lực của Công ty dẫn đầu thị trường Việt Nam và mang thương hiệu Việt đến tay bạn bè quốc tế.

RỦI RO KINH TẾ

Các yếu tố quan trọng của nền kinh tế, bao gồm tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá hối đoái, đều có tác động trực tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của CTCP 28.1. Theo ước tính của Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP 2022 của Việt Nam ghi nhận 8,02% cao nhất trong giai đoạn từ 2011-2022. Trong đó, ngành công nghiệp tăng 7% so với năm trước. Tuy nhiên, mức tăng trưởng tập trung chủ yếu vào những tháng đầu năm 2022.

Theo đó, xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong 10 tháng năm 2022 vẫn rất khả quan, cho thấy nỗ lực rất lớn của ngành dệt may Việt Nam, nhất là trong bối cảnh thị trường tiêu dùng thế giới chững mạnh trong quý cuối cùng của năm 2022. Ngành dệt may Việt Nam đạt 37,9 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu trong 10 tháng năm 2022, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2021. Những lo ngại về lạm phát tăng, mâu thuẫn kéo dài giữa Ukraina-Nga, biện pháp "Zero Covid" tại Trung Quốc, ảnh hưởng đến nguồn hàng, nguồn cung cấp nguyên liệu ngành dệt may Việt Nam đã làm cho các đơn hàng có sự sụt giảm rõ rệt trong 3 tháng cuối năm 2022.

Để hạn chế những rủi ro kinh tế, Công ty cổ phần 28.1 thường xuyên cập nhật tình hình thị trường, giữ mối quan hệ tốt với các đối tác truyền thống, nắm bắt cơ hội để ký kết các hợp đồng gia công, đem đến thu nhập ổn định cho người lao động và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định.

RỦI RO TỶ GIÁ

Sau thời gian nới lỏng tiền tệ nhằm hỗ trợ nền kinh tế vượt qua dịch bệnh Covid-19, FED bắt đầu lên kế hoạch thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất. Tính đến cả năm 2022, FED đã có 4 đợt tăng lãi suất, đạt 4,5%. Lãi suất Mỹ tăng sẽ giúp tăng giá đồng USD, gây tác động đến tỷ giá thế giới.

Sản phẩm của Công ty cổ phần 28.1 chủ yếu phục vụ cho thị trường xuất khẩu trên thế giới như Mỹ, Hongkong, Úc... và chủ yếu sử dụng bằng đồng USD. Do đó, tỷ giá tăng làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của AG1.

Để giảm thiểu với rủi ro này, Công ty luôn theo dõi những biến động tỷ giá trên thị trường, lựa chọn thời điểm thích hợp cho việc nhập nguyên vật liệu từ nước ngoài cũng như thu hồi kịp thời các đơn hàng xuất khẩu đã hoàn thành.

RỦI RO LÃI SUẤT

Đi ngược lại với nền kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định, tỷ giá và lãi suất, thị trường chứng khoán biến động mạnh. Tính đến tháng 12/2022, lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng đa số dao động ở mức từ 6,1% - 8,3%/năm. Điều này gây khó khăn trong việc vay vốn cũng như gây áp lực lên chi phí tài chính của các cá nhân và doanh nghiệp đi vay. Trong đó, có Công ty cổ phần 28.1.

Toàn bộ các khoản vay vốn của Công ty đều là các khoản vay ngắn hạn, nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế, quản lý, kiểm soát tốt rủi ro này, Ban lãnh đạo luôn duy trì mức độ hợp lý ở các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÁC RỦI RO (tiếp)

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Chiến dịch "Zero Covid" của Trung Quốc làm đứt gãy chuỗi cung ứng, khó khăn trong quá trình tìm nguồn hàng mới, phục vụ hoạt động sản xuất cho ngành may gia công. Do nguyên phụ liệu ngành dệt may chủ yếu đến từ nhập khẩu, đặc biệt là nguồn nguyên vật liệu từ Trung Quốc nên sự thiếu hụt nguồn cung tạo áp lực cạnh tranh giá cả thành phẩm bán ra. Trước khó khăn trên, Công ty luôn chủ động tìm kiếm các nguồn cung nguyên phụ liệu khác nhau nhằm tránh tình trạng phải phụ thuộc vào một nguồn cung duy nhất. Đồng thời Công ty lựa chọn thời điểm nhập nguyên vật liệu khi giá thành hạ thấp.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Việt Nam đang ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng với quốc tế, vì vậy hệ thống pháp luật của nước ta đang ngày một củng cố và hoàn thiện để phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Hiện Công ty đang đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM và hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu hàng may mặc nên Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Quốc tế và các quy định, chính sách liên quan.

Để đưa ra những định hướng, mục tiêu phát triển bền vững và phù hợp với quy định hiện hành, Công ty luôn chủ động tìm hiểu, nắm bắt quy định mới, kịp thời cập nhật lại định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm những rủi ro không lường trước được như lũ lụt, thiên tai, ... đặc biệt là hỏa hoạn. Công ty cổ phần 28.1 luôn chủ động lên kế hoạch phòng chống, đảm bảo an toàn cho người lao động và cơ sở vật chất, hạn chế tối đa các thiệt hại. Cụ thể, Công ty thực hiện mua bảo hiểm rủi ro toàn bộ tài sản; tập huấn luyện công tác chống cháy nổ định kỳ theo Luật PCCC, quản lý rủi ro theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

23 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

25 Tổ chức và nhân sự

33 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

35 Tình hình tài chính

39 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM:

Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		% (+/-) Năm 2022/ Năm2021
		Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu xuất khẩu	80.583	57,75%	214.931	81,84%	166,72%
2	Doanh thu nội địa	56.533	40,51%	45.165	17,20%	-20,11%
3	Doanh thu dịch vụ khác	2.423	1,74%	2.619	1,00%	8,08%
4	Hàng bán bị trả lại	-	-	-104	-0,04%	-
	Tổng cộng	139.539	100%	262.611	100%	88,20%

Đầu năm 2022, tận dụng nền kinh tế trở lại, thị trường dệt may có nhiều chuyển biến tốt, Ban Giám đốc Công ty triển khai nhanh các thủ tục để đầu tư máy cắt tự động và xe nâng điện kịp thời, đáp ứng yêu cầu của xưởng cắt và quy hoạch mặt bằng của Công ty, sắp xếp mặt bằng 2 kho nguyên liệu và phụ liệu về cùng 1 chỗ. Đồng thời, tăng cường công tác gia công ngoài, để gia tăng năng lực sản xuất và tăng hiệu quả kinh doanh; giải quyết tồn đọng với các khách hàng cũ. Qua đó, thúc đẩy quá trình sản xuất và giao hàng của Công ty, ghi nhận doanh thu thuần năm 2022 của Công ty đạt hơn 262,61 tỷ đồng, tương đương tăng 88,20% so với năm trước. Trong đó, doanh thu xuất khẩu năm 2022 đạt 214,93 tỷ đồng, chiếm 81,84% doanh thu thuần, doanh thu nội địa đạt 45,16 tỷ đồng, chiếm 17,20% doanh thu thuần.

Tình hình sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh (%)	
					TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
Tổng doanh thu	Tr. Đồng	140.691	250.800	266.921	106,43%	189,72%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	-13.018	50	12.786	25.572,63%	-
Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	-13.018		12.786	-	-
Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	-	-	-	-	-
Tổng cộng	**310.442**	**100,0%**	**310.442**	**100,0%**	**310.442**	**100,0%**

Tổng kết năm 2022, Tổng doanh thu Công ty đạt hơn 266,9 tỷ đồng, vượt 6,43% kế hoạch đề ra, và tăng 89,72% tổng doanh thu năm 2021. Lợi nhuận trước thuế đạt 12,79 tỷ đồng, gấp 255,872 lần kế hoạch đề ra. Đây là nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong năm qua.

Hai năm Dịch Covid 19 hoành hành, đã để lại không ít hậu quả cho nền kinh tế nói chung và Công ty CP 28.1 nói riêng. Tuy nhiên năm 2022, là năm nền kinh tế được khôi phục mạnh mẽ, khi xuất khẩu dệt may trong 10 tháng đầu năm đạt gần 38 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ 2021 (theo báo cáo của Hiệp hội Dệt may Việt Nam – Vitas). Hưởng ứng cùng với nhịp tăng trưởng của thị trường, Ban lãnh đạo chỉ đạo, điều hành các công tác chuẩn bị, tái cơ cấu lại cán bộ, đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo nguồn nhân lực và năng lực sản xuất của Công ty, hoàn thành các đơn hàng của khách hàng đúng hạn. Từ đó, hoàn thành tốt kế hoạch đề ra, và tạo được uy tín, giữ mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 22/02/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Doãn Thoan	Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc	Đại diện: 790.300	16,25%
2	Ông Nguyễn Thiện	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc	Đại diện: 632.240	13,00%
3	Ông Tăng Hùng	Kế toán trưởng	-	-

SƠ YẾU LÍ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông
TRẦN DOÃN THOAN
Giám đốc

Ngày sinh: : 1968

Quốc tịch: : Việt Nam

Trình độ học vấn : Đại học

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện: 790.300 cổ phần, chiếm 16,25% VĐL
- Cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%VĐL

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
04/1988 – 11/1991	Thợ may Tổng cục Quốc Phòng thuộc phân xưởng II – Xí nghiệp may X28 – Tổng cục Hậu Cần (TCHC)
12/1991 – 09/1994	Nhân viên Kỹ thuật Cơ sở I – Công ty May 28 –TCHC
10/1994 – 12/2000	Nhân viên Kỹ thuật Xí Nghiệp I – Công ty May 28 – TCHC – Bộ Quốc Phòng
12/2000 – 07/2004	Phó phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp I – Công ty May 28 – TCHC – Bộ Quốc Phòng
08/2004 – 07/2006	Trưởng phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp I – Công ty May 28 – TCHC – Bộ Quốc Phòng
07/2006 – 05/2011	Trưởng phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp I – Công ty May 28 – TCHC – Bộ Quốc Phòng Phó Giám đốc Công ty TNHH 28.1 – Tổng Công ty 28 – TCHC – Bộ Quốc Phòng
06/2011 – 02/2014	Thiếu tá - Phó Giám đốc Công ty TNHH 28.1 – Tổng Công ty 28 – TCHC - Bộ Quốc Phòng
03/2014 – 05/2014	Thiếu tá - Giám đốc Công ty TNHH 28.1 – Tổng Công ty 28 – TCHC - Bộ Quốc Phòng
06/2014 – 09/2016	Trung tá - Giám đốc Công ty TNHH 28.1 – Tổng Công ty 28 – TCHC - Bộ Quốc Phòng
10/2016 – 05/2018	Trung tá - Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 – Tổng Công ty 28 – TCHC - Bộ Quốc Phòng
06/2018 – 03/2019	Thượng tá - Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 – Tổng Công ty 28 – TCHC - Bộ Quốc Phòng
01/04/2019 – 02/2022	Thượng tá – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bình Phú – Tổng Công ty 28 – TCHC - Bộ Quốc Phòng
14/01/2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
01/03/2022 – nay	Giám đốc Công ty cổ phần 28.1
29/04/2022 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần 28.1

SƠ YẾU LÍ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp)

Ông
NGUYỄN THIỆN
TV. HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Ngày sinh: : 1985

Quốc tịch: : Việt Nam

Trình độ học vấn : Cử nhân Quản trị kinh doanh, Kỹ sư công nghệ thông tin

Chức vụ hiện nay tại Công ty : TV. HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện: 632.240 cổ phần, chiếm 13,00%VĐL
- Cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%VĐL

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
09/2012 – 6/2014	Nhân viên quản lý hệ thống cửa hàng tại Trung tâm kinh doanh thời trang – Tổng công ty 28
07/2014 – 1/2015	Nhân viên cân đối – Phòng kế hoạch – Công ty TNHH 28.1
02/2015 – 3/2019	Phó phòng kế hoạch – Công ty cổ phần 28.1
04/2019 – 2/2022	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh – Xí nghiệp may đo quân đội – Tổng công ty 28
03/2022 – Nay	Phó giám đốc kiêm TP kế hoạch – Công ty cổ phần 28.1
04/2022 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần 28.1

Ông
TĂNG HÙNG
Kế toán trưởng Công ty

Ngày sinh: : 1974

Quốc tịch: : Việt Nam

Trình độ học vấn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%VĐL
- Cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%VĐL

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
09/1997 - 2000	Nhân viên kế toán Xí nghiệp 2 - Công ty May 28
01/2001 - 06/2014	Nhân viên kế toán Tổng công ty 28
07/2014 –28/02/2022	Kế toán trưởng Công ty cổ phần 28 Hưng Phú
01/03/2022 - nay	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần 28.1

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

STT	Thành viên	Chức Vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Doãn Thoan	Giám đốc	01/03/2022	
2	Nguyễn Vĩnh Long	Giám đốc		01/03/2022
3	Nguyễn Thiện	Phó Giám đốc	01/03/2022	
4	Vũ Sỹ Nam	Phó Giám đốc		01/03/2022
5	Nguyễn Văn Tài	Phó Giám đốc		20/02/2023
6	Lê Mai Dung	Kế toán trưởng		01/03/2022
7	Tăng Hùng	Kế toán trưởng	01/03/2022	

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp)

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Cơ cấu lao động tính đến ngày 31/12/2022:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	**Theo trình độ**	**450**	**100%**
1.	Trình độ Đại học và trên Đại học	24	5,33%
2.	Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	22	4,89%
3.	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	11	2,44%
4	Lao động phổ thông	393	87,33%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**450**	**100%**
1.	Hợp đồng có xác định thời hạn	133	29,56%
2.	Hợp đồng không xác định thời hạn	317	70,44%

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.212.357	8.371.089	8.303.544	11.131.257

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Nhân công lành nghề là tài sản vô giá đối với Công ty. Nhằm xây dựng được đội ngũ lao động tay nghề cao, Công ty thường xuyên các buổi đào tạo nội bộ, bao gồm: đào tạo tập thể, toàn công ty, đào tạo theo nhóm, tổ… Từ đó, nâng cao trình độ kỹ thuật của từng nhân công.

Đối với cán bộ văn phòng, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, cập nhật những kiến thức chuyên môn, nhằm nâng cao trình độ của các cán bộ công nhân viên trong quá trình xử lý công việc, đạt được hiệu quả trong kinh doanh, quản lý.

Về tuyển dụng

Từng giai đoạn phát triển của Công ty, Ban lãnh đạo luôn đặt ra các tiêu chuẩn khác nhau cho từng bộ phận, từ đó, chọn lọc ra những ứng viên sáng giá, phù hợp với từng vị trí công việc. Ngoài ra, trong năm 2022, Công ty cải thiện các chính sách đãi ngộ cả về vật chất lẫn tinh thần, tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, làm cơ sở vững chắc, ổn định cho người lao động mới khi ứng tuyển vào Công ty.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty luôn đảm bảo mọi quyền lợi cũng như quan tâm đến sức khỏe và đời sống tin thần của nhân viên thông qua các chính sách sau:

- Chính sách lương, thưởng:

Chính sách lương thưởng của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và theo nguyên tắc công bằng, minh bạch.

Bên cạnh đó, Công ty còn có chính sách tuyên dương, khen thưởng cho cá nhân có kết quả xuất sắc trong công việc. Từng vị trí công việc, Ban lãnh đạo luôn đưa ra các chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể để nhân viên và lãnh đạo. Từ đó, đánh giá kết quả, hiệu suất của người lao động để khen thưởng, tuyên dương.

- Chính sách phúc lợi:

Công ty luôn đảm bảo các quyền lợi cho nhân viên theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm thất nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng thực hiện chăm sóc y tế định kỳ cho người lao động, tổ chức các hoạt động tập phong trào thể thao, văn nghệ thúc đẩy tin thần đoàn kết và tạo niềm vui trong công việc.

Môi trường công việc

Môi trường công việc là một trong những yếu tố quan trọng, tiền đề cho sự gắn bó lâu dài của người lao động. Do đó, Công ty luôn thay đổi, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và công bằng, nhằm tạo động lực làm việc cho nhân viên.

Ngoài ra, Công ty còn trang bị đầy đủ các thiết bị, đảm bảo an toàn và vệ sinh cho người lao động trong khuôn viên làm việc, địa điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, để người lao động cảm thấy thoải mái, tạo ra những sản phẩm đạt tiêu chuẩn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm Công tư không thực hiện các khoản đầu lớn.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm Năm 2022/ Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	91.150	131.046	43,77%
2	Doanh thu thuần	139.539	262.611	88,20%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(13.629)	12.470	-
4	Lợi nhuận khác	611	317	-48,21%
5	Lợi nhuận trước thuế	(13.018)	12.786	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(13.018)	12.786	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Trong năm 2022, tổng giá trị tài sản của Công ty cổ phần 28.1 hơn 131 tỷ đồng, tăng 43,77% so với năm 2021. Lượng hàng tồn kho của Công ty tăng từ 46,60 tỷ lên 90,14 tỷ đồng, tương đương tăng 90,43% so với năm trước. Hàng tồn kho chủ yếu là thành phẩm và Nguyên vật liệu sản xuất phục vụ cho đơn hàng của quý I/2023.

Nhờ vào chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo, cùng sự cố gắng không ngừng của cán bộ lao động toàn Công ty, đã góp phần hoàn thành và đạt được kết quả kinh doanh đáng mong đợi. Cụ thể:

+ Doanh thu thuần năm 2022 đạt 262,61 tỷ đồng, tăng 88,20% so với cùng kỳ năm trước;

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh từ lỗ năm 2021 sang lãi 12,79 tỷ đồng năm 2022.

Tuy năm 2022, Công ty đạt được nhiều thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng Công ty vẫn luôn thận trọng đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp trước những diễn biến khó lường có thể xảy ra của thị trường trong tương lai.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
I	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	1,25
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,38	0,25
II	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,63	69,12
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	229,26	223,81
III	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	2,86	3,28
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Lần	1,49	2,36
IV	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-9,33	4,87
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-38,07	37,52
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-13,90	11,510
4	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-9,77	4,75

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Các đơn hàng trở lại, ổn định cho đến hết Quý I/2023. Cho nên, để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho việc sản xuất liên tục, Công ty đã lưu kho 01 lượng lớn nguyên vật liệu phục vụ cho các đơn hàng trong quý tới cũng như các thành phẩm đã hoàn thành, chuẩn bị giao cho khách hàng. Cụ thể, giá trị nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31/12/2022 là 33,96 tỷ đồng, tăng hơn 13,01 tỷ đồng, tương đương tăng 62,11% so với cùng kỳ, thành phẩm đạt 33,63 tỷ đồng, tăng 13,99 tỷ đồng, tương đương tăng 71,23% so với năm 2021. Đơn hàng tăng, nguyên vật liệu tăng dẫn đến hàng tồn kho tăng, tài sản ngắn hạn tăng. Bên cạnh đó, các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng gần gấp đôi so với năm trước, đạt gần 64 tỷ đồng do đơn hàng còn trong quá trình hoàn thành và chờ thanh toán từ các khách hàng. Qua đó, làm hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ, nhưng hệ số thanh toán nhanh giảm.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hai hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu duy trì ở mức ổn định, đạt lần lượt là 69,12% và 223,81% trong năm 2021.

Các khoản vay đều luôn duy trì mức độ, tỷ trọng hợp lý, cân đối giữa vốn vay và nguồn vốn tự có, nhằm đảm bảo được khả năng chi trả vốn vay và giảm áp lực chi phí tài chính cho Doanh nghiệp.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và Vòng quay tổng tài sản đều tăng mạnh, lần lượt tăng là 14,68% và 58,39% so với năm 2021, đạt ở mức 2,86 vòng và 1,49 vòng. Nguyên nhân là do, trong năm 2022, Công ty nhận được nhiều đơn hàng, tăng cường công tác gia công ngoài, gia tăng năng lực sản xuất, tăng hiệu quả kinh doanh, ghi nhận doanh thu thuần và giá vốn lần lượt tăng 88,20% và 68,13% so với cùng kỳ năm trước, tương đương đạt 262,61 tỷ đồng và 224,07 tỷ đồng.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2021 đều chuyển từ âm sang dương. Cụ thể, ROS, ROE, ROA và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh / doanh thu thuần của Công ty lần lượt là 4,87%; 37,52%; 11,51%; 4,75%. Trước nền kinh tế tăng trưởng, hoạt động xuất nhập khẩu lưu thông trở lại, các đơn hàng kéo đến, đảm bảo được nguồn doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cho Công ty trong năm 2022.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu phát hành
4.863.386 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
4.863.386 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	3.161.201	65%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông Nhà nước**	**3.161.201**	**31.612.010.000**	**65%**
II	**Cổ đông trong nước**	**1.702.185**	**17.021.850.000**	**35%**
1	Cá nhân	1.672.185	16.721.850.000	34,38%
2	Tổ chức	30.000	300.000.000	0,62%
III	**Cổ đông nước ngoài**	**-**	**-**	**-**
	Tổng cộng	**4.863.386**	**48.633.860.000**	**100%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

(*) Tỷ lệ theo Thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa nộp tại VSD. AG1 sẽ thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, ngay sau khi hoàn tất thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và có công văn xác nhận từ UBCKNN.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần 28.1 không thực hiện tăng vốn.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần 28.1 thực hiện nhiều hoạt động để bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và luật bảo vệ môi trường do Nhà nước ban hành;
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên. Điều này giúp nâng cao nhận thức của nhân viên về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và trách nhiệm của mỗi người trong việc giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường.
- Nâng cao ý thức và trách nhiệm của nhân viên trong việc thu gom và xử lý rác thải công nghiệp. Nhân viên được đào tạo để phân loại rác thải và xử lý nó một cách bảo đảm vệ sinh, an toàn và bền vững.
- Công ty cổ phần 28.1 đã xây dựng kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu và phân bổ hợp lý các trang thiết bị trong hoạt động sản xuất để giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường cộng đồng, giảm tác động đến môi trường và tiết kiệm chi phí sản xuất.

.

TIÊU THỤ ĐIỆN VÀ NƯỚC

Công ty nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên trong hoạt động sản xuất. Nguồn điện và nước là hai nguồn tài nguyên quan trọng trong quá trình sản xuất, nên Công ty đưa ra các giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên để giảm thiểu tác động đến môi trường.

Trong việc sử dụng nguồn điện, Công ty đã thay thế các nguồn điện hư hỏng hoặc sử dụng công suất điện cao bằng các trang thiết bị hiện đại, ít hao tốn điện năng và thân thiện với môi trường. Như vậy, Công ty đã giảm thiểu chi phí tiêu thụ điện năng và đồng thời giảm thiểu khí thải gây hại cho môi trường.

Đối với nguồn nước, Công ty luôn tìm kiếm giải pháp tiết kiệm nước và đưa ra sáng kiến sử dụng nguồn nước an toàn và hiệu quả. Các giải pháp tiết kiệm nước bao gồm sử dụng nước tái chế từ nước thải trong quá trình sản xuất để sử dụng vào các mục đích khác như vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây trồng, cảnh quan môi trường. Những giải pháp này giúp Công ty giảm thiểu tác động của mình đến môi trường và đồng thời tiết kiệm tài nguyên nước.

Ngoài ra, Công ty còn tuyên truyền và nâng cao ý thức tiết kiệm nguồn năng lượng cho nhân viên để giúp họ tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường và giảm thiểu chi phí tiêu thụ điện năng của Công ty.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu chủ chủ yếu của Công ty là vải, kim chỉ, nút và các vật dụng phụ trợ khác. Việc quản lý tốt nguồn nguyên liệu sẽ giúp Công ty tiết giảm chi phí, hạn chế các phế phẩm, tăng lợi ích cho Công ty và cổ đông. Để thực hiện được mục tiêu này, Công ty luôn chủ động tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp đáng tin cậy, có chất lượng tốt, thường xuyên đánh giá chất lượng của nguyên vật liệu nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cuối cùng và tránh lãng phí; giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất, để phát hiện và khắc phục sớm các vấn đề liên quan đến nguyên vật liệu.

Đồng thời, Công ty thường xuyên theo dõi, rà soát tình hình thực hiện tiêu hao vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu trong sản xuất cho từng loại sản phẩm; nghiên cứu và điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, để tiết giảm chi phí trong sản xuất. Đầu tư, nghiên cứu, kết hợp với tham quan một số đơn vị cùng ngành, thực hiện tiết kiệm định mức nguyên liệu bằng các biện pháp đi sơ đồ ghép, độ dài bàn vải trải, đặc biệt là các loại nguyên liệu sọc, caro với chu kỳ lớn.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty thường xuyên đánh giá và cải tiến hệ thống quản lý môi trường của mình để đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu quy định của Nhà nước cũng như chuẩn mực quốc tế. Các hoạt động này nhằm đảm bảo rằng Công ty luôn duy trì một môi trường làm việc an toàn, vệ sinh và bảo vệ môi trường bền vững, đồng thời đóng góp tích cực vào việc bảo vệ và cải thiện môi trường sống của cộng đồng.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thường xuyên đánh giá và cải tiến hệ thống quản lý môi trường của mình để đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu quy định của Nhà nước cũng như chuẩn mực quốc tế. Các hoạt động này nhằm đảm bảo rằng Công ty luôn duy trì một môi trường làm việc an toàn, vệ sinh và bảo vệ môi trường bền vững, đồng thời đóng góp tích cực vào việc bảo vệ và cải thiện môi trường sống của cộng đồng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ngoài tập trung sản xuất kinh doanh hiệu quả, Công ty còn chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương nơi Công ty đặt trụ sở. Đó là tinh thần trách nhiệm, là đức tính thiêng liêng, cao đẹp của người dân Việt Nam. Công ty luôn chủ động và mong muốn được chia sẻ với những gia đình, địa phương đang gặp khó khăn trong cuộc sống; tiếp tục nỗ lực vừa tăng trưởng kinh tế doanh nghiệp, vừa thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, doanh nghiệp đã dần tạo được sự tin tưởng trong lòng khách hàng dựa trên nền tảng cộng đồng xã hội vững chắc. Nhờ vậy, Công ty luôn ý thức và chủ động chia sẻ, hỗ trợ tài chính trong khả năng có thể đối với những gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

45 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

47 Tình hình tài chính

49 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

50 Kế hoạch phát triển trong tương lai

51 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

53 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2022

Thuận lợi

- Công ty cổ phần 28.1 luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Chỉ huy Tổng Công ty 28, Hội đồng quản trị trong công tác sản xuất và quản trị nhằm đưa ra nhưng biện pháp xử lý kịp thời, tránh gián đoạn trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Nền kinh tế hồi phục mạnh mẽ, các đơn hàng trở lại, ổn định đến Quý I/2023.
- Thu hồi thành công các công nợ khó đòi.
- Công ty có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực may hàng xuất khẩu, với thiết bị công nghệ hiện đại được nhập từ các nước tiên tiến trên thế giới như: Nhật , Đức, Italia và Trung Quốc. Thương hiệu Công ty 28.1 đã có uy tín cao trong lĩnh vực may mặc ở Việt Nam và quốc tế, đã được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao.

Khó khăn

- Thời điểm những tháng đầu năm, tình hình dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Tình hình khó khăn sau 2 năm dịch để lại, gây nhiều bất lợi cho Công ty trong công tác tài chính, huy động vốn (lỗ lũy kế năm 2021 là 22.085.913.375 đồng)kèm theo đó là các tồn đọng về của các đơn hàng bị huỷ do dịch Covid-19 cần phải xử lý. .
- Tình hình lao động có giai đoạn biến động bao gồm cả khối lao động trực tiếp và lao động chuyên môn nghiệp vụ, quy mô công ty giảm sâu ảnh hưởng trực tiếp tới năng suất lao động.
- Nguồn hàng ổn định nhưng nhỏ lẻ, chất liệu đa dạng, phức tạp.
- Tình hình chính trị, kinh tế thế giới về cuối năm có nhiều bất ổn như chiến tranh Nga-Ukraina, chính sách "Zero Covid" của Trung Quốc, ... dẫn đến nguồn hàng bị ngưng trệ cục bộ cả đầu vào và đầu ra.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Công tác đầu tư triển khai nhanh các thủ tục để đầu tư máy cắt tự động và xe nâng điện kịp thời, đáp ứng yêu cầu của xưởng cắt và quy hoạch mặt bằng của Công ty, sắp xếp mặt bằng 2 kho nguyên liệu và phụ liệu về cùng 1 chỗ;
- Triển khai kết nối vào hệ thống xử lý nước thải của Tổng công ty
- Xây dựng phương án lương phù hợp, ổn dịnh thu nhập cho người lao động, động viên tinh thần cho người lao động yên tâm sản xuất, gắn bó lâu dài với Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	70.811	112.983	159,56%	77,69%	86,22%
Tài sản dài hạn	20.339	18.063	88,81%	22,31%	13,78%
Tổng tài sản	**91.150**	**131.046**	**143,77%**	**100%**	**100%**

Tổng giá trị tài sản của Công ty trong năm 2022 hơn 131,04 tỷ đồng, tăng 43,77% so với tổng giá trị tài sản của Công ty ở năm 2021. Nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 59,56% so với cùng kỳ năm trước, chiếm khoản 86,22% tổng tài sản năm 2022. Giá trị tổng tài sản ngắn hạn là 112,98 tỷ đồng, trong đó hàng tồn kho là khoản mục tăng mạnh nhất, tăng từ 46,60 tỷ lên 90,14 tỷ đồng, tương đương tăng 90,43% so với năm trước. Nguyên nhân là do, tình hình dịch bệnh bùng phát ở Trung Quốc là nguồn cung cấp nguyên phụ liệu chính của Công ty, nên Công ty nhập nguyên phụ liệu sang trước để đảm bảo nhu cầu sản xuất được liên tục.

Đi ngược lại với sự tăng trưởng của tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn của Công ty giảm, do các tài sản cố định vẫn đang trong thời gian khấu hao, các khoản đầu tư mới chưa hoàn thành và được ghi nhận trong mục Hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn: 22,31%

Tài sản ngắn hạn: 77,69%

Tài sản dài hạn: 13,78%

Tài sản ngắn hạn: 86,22%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	63.466	90.576	142,72%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	0%	0%
Tổng nợ phải trả	**63.466**	**90.576**	**142,72%**	**100%**	**100%**

Tổng giá trị nợ phải trả của Công ty là các khoản nợ ngắn hạn. Trong năm 2022, tổng nợ phải trả của AG1 tăng 42,72% so với năm 2021. Nguyên nhân là do khoản phải trả người bán tăng hơn gấp đôi năm 2021, đạt gần 64 tỷ đồng. Các khoản này chủ yếu là các khoản công nợ của các đối tác cung cấp nguyên vật liệu. Các đơn hàng nguyên vật liệu này đáp ứng cho các đơn hàng gia công trong cuối năm 2022 và đầu năm 2023. Sau khi hoàn thành và giao hàng cho khách hàng, Công ty sẽ thanh toán đầy đủ cho các đối tác, nhà cung cấp theo quy định.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Hoàn thiện báo cáo chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh 04 năm, giai đoạn 2022-2025; từ đó Ban lãnh đạo hoạch định những nhiệm vụ cụ thể cho từng năm để toàn thể nhân viên Công ty cùng thực hiện;
- Xây dựng phương án lương phù hợp, ổn định thu nhập cho người lao động, động viên tinh thần cho người lao động yên tâm sản xuất, gắn bó lâu dài với công ty.
- Tăng cường công tác dự báo, định hướng nguồn hàng, khách hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững.
- Triển khai kết nối vào hệ thống xử lý nước thải của Tổng công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục.
- Tiếp tục đưa ứng dụng tin học trong công tác quản lý điều hành, nâng tính chuyên nghiệp và chất lượng công tác quản lý, đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH KINH DOANH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	KH 2023/TH 2022
1	Tổng doanh thu	266.920	325.000	121,76%
2	Lợi nhuận trước thuế	12.786	9.500	74,30%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	-	-	-

Giải pháp thực hiện:

Công tác nguồn hàng, khách hàng

- Làm tốt công tác giữ các khách hàng uy tín hiện có, rà soát cơ cấu lại nguồn hàng, khách hàng, đàm phán lại giá cả, tỷ lệ lợi nhuận trên giá FOB, phương thức thanh toán để nâng cao hiệu quả, an toàn về tài chính.
- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới có tiềm năng để đảm bảo đủ nguồn hàng sản xuất trong xưởng và có thêm hàng để đẩy mạnh gia công ngoài tăng bù đắp cho sản xuất trong xưởng. Tìm kiếm đối tác để hợp tác lâu dài và ổn định, xây dựng bộ máy đi gia công ngoài theo hướng chuyên nghiệp.
- Quy hoạch sắp xếp lại mặt bằng nhà xưởng để khai thác cho thuê tối đa tăng thêm nguồn thu.

Công tác tổ chức sản xuất

- Triển khai các biện pháp tổ chức sản xuất, thúc đẩy năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng.
- Duy trì và thực hiện tốt các hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và trách nhiệm xã hội để đáp ứng đủ các điều kiện xuất khẩu theo tinh thần của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần 28.1 luôn ý thức rằng "để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải gắn với nhiệm vụ thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường". Do đó, trong năm qua Công ty đã thực hiện một số hành động tích cực để giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc và bảo vệ tài nguyên môi trường như: giám sát, kiểm tra quy trình xử lý chất thải công nghiệp và áp dụng các hình phạt đối với những nhân viên làm trái nội quy, không đảm bảo vệ sinh chung, ký kết hợp đồng với các đối tác thu gom rác thải để xử lý rác thải công nghiệp kịp thời, không để tồn đọng. Điều này góp phần làm cho môi trường làm việc sạch sẽ và an toàn sẽ giúp cán bộ công nhân viên của công ty có sức khỏe tốt hơn và làm việc hiệu quả hơn. Ngoài ra, bảo vệ môi trường cũng giúp đảm bảo tương lai của hành tinh của chúng ta.

Ngoài ra, Công ty luôn chủ động tuyên truyền, nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc, đẩy mạnh thực hiện công tác thay thế, sử dụng các nguồn điện năng hiện đại hơn và có công suất thấp hơn nhằm tiết kiệm chi phí, tiết giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá của Công ty, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển bền vững của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến sức khỏe của nhân viên và tổ chức các hoạt động thể thao, ngoài trời để tăng cường tinh thần đồng đội và nâng cao hiệu quả làm việc. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm trả lương đúng hạn và các khoản bảo hiểm đối với nhân viên. Đồng thời, Công ty cũng cung cấp các khóa đào tạo để nâng cao kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên. Mặc dù Công ty đã đầu tư chi phí cao cho việc đào tạo, tuy nhiên tình trạng biến động nguồn nhân lực vẫn còn diễn ra do cạnh tranh từ các doanh nghiệp cùng ngành khác. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung vào việc xây dựng chính sách giữ chân nhân viên và thay đổi chính sách lương, thu nhập để động viên và giữ chân nhân viên có năng suất và chuyên cần. Công ty luôn tuân thủ biểu biên chế tổ chức và tiêu chuẩn đúng hướng dẫn để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn ý thức và chủ động chia sẻ, hỗ trợ tài chính trong khả năng đối với những gia cảnh khó khăn. Việc chia sẻ và hỗ trợ tài chính cho những gia đình gặp khó khăn không chỉ giúp đỡ họ vượt qua khó khăn mà còn tạo được lòng tin và sự đồng cảm từ khách hàng và cộng đồng xung quanh. Đó là mục tiêu cốt lõi mà doanh nghiệp mang lại cho cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

57 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Công ty

60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Giám Đốc Công ty

61 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Sau 02 năm trải qua đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh mẽ, các đơn hàng thiếu hụt, phải tạm ngừng sản xuất kinh doanh. Đầu năm 2022, toàn thể NLĐ Công ty CP 28.1 đã bước đầu thích ứng với sự thay đổi và linh hoạt về nguồn hàng, về phương thức quản lý. Sự thích nghi được hình thành từ ý thức NLĐ là thuận lợi cho tập thể CB-CNV toàn Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá các mặt hiệu quả và tiếp tục điều chỉnh phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế. Nguồn hàng, khách hàng đã có nhiều dấu hiệu tốt khi hàng truyền thống đã quay trở lại dù thị trường còn khó khăn.

Bên cạnh công tác nguồn hàng triển khai thông qua các Vender như APG (văn phòng ở Việt Nam) công ty đẩy mạnh công tác làm việc trực tiếp với khách hàng xuất khẩu quan các thị trường Úc/Hồng Kong. Hiện tại. khách hàng Lever Style kết nối 28.1 với các thương hiệu tại Anh/Mỹ như TBT, BNB và STF không có văn phòng đại diện tại Việt Nam, công ty đã trực tiếp tương tác với văn phòng chính của Lever Style tại Hồng Kong và tích luỹ các kinh nghiệm có thể trực tiếp làm việc với khách hàng. Qua đó, đảm bảo được việc sản xuất được liên tục, tạo thu nhập cho người lao động.

Để đảm bảo thời gian giao hàng và tăng hiệu quả kinh doanh, Công ty đã tăng cường công tác gia công ngoài, gia tăng năng lực sản xuất. Trong năm, Công ty ghi nhận doanh thu thuần năm 2022 của Công ty đạt hơn 262,61 tỷ đồng, tương đương tăng 88,20% so với năm trước. Đây là kết quả nỗ lực của toàn thể Công ty từ công tác quản lý điều hành đến công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh.

ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Công ty luôn công bố chính sách tiền lương phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo các khoản chi trả cho người lao động được thực hiện theo đúng quy chế và phương án đã được ban hành. Nguồn quỹ lương được quản lý đảm bảo đầy đủ chi trả cho người lao động theo mức lương tối thiểu vùng và đặc thù vùng miền, đồng thời công tác phân phối lương và thu nhập giữa các bộ phận và vị trí trong đơn vị được thực hiện hài hoà. Các chế độ thanh toán cho người lao động được đảm bảo đầy đủ và đúng thời gian, không có trường hợp nợ lương hay khiếu kiện về lương, thưởng. Hồ sơ, chứng từ liên quan đến thanh toán lương luôn rõ ràng, công khai và đảm bảo yêu cầu quản lý và đánh giá tại nhà máy. Tuy nhiên, đơn vị vẫn còn hạn chế về khả năng và nguồn lực để nâng cao hiệu quả chính sách tiền lương và đảm bảo yêu cầu về tăng thu nhập của người lao động.

Đồng thời, Công ty luôn thực hiện biểu biên chế tổ chức đúng hướng dẫn và tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng vị trí. Trong năm, Công ty duy trì tỷ lệ lao động gián tiếp/ lao động trực tiếp sản xuất hiện tại 30/70% với quy mô tương ứng 450-470 lao động, vừa đảm bảo khối lượng công việc cho nhà xưởng, vừa đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh như kế hoạch đề ra.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bên cạnh việc điều hành sản xuất kinh doanh và quản lý nhân sự, trong năm 2022, công tác kiểm tra và đánh giá giá cả đầu vào và đầu ra được thực hiện một cách chặt chẽ và đúng quy trình quản lý, với mục tiêu đảm bảo giá cả hợp lý và cạnh tranh trên thị trường để thu hút khách hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, việc áp dụng tin học trong công tác quản lý điều hành đã được cải tiến liên tục, giúp nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng công tác quản lý điều hành của Công ty, đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước và Quân đội về công tác tài chính đối với doanh nghiệp, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thuế, cùng với Điều lệ cống tác lái chính của Quân đội Việt Nam. Cơ quan lái chính của Công ty đã phát huy vai trò và chức năng của mình trong việc quản trị tài chính của doanh nghiệp, bao gồm tham mưu công tác tài chính, kế toán và xây dựng các định chế tài chính phục vụ kiểm soát nội bộ, lựa chọn phương thức quản lý và duy trì nề nếp, nguyên tắc trong quản lý tài chính của đơn vị. Ngoài ra, Công ty luôn đặt sự quan trọng cho việc quản lý công nợ phải thu và phải trả bằng cách thường xuyên theo dõi và đôn đốc khách hàng thanh toán nợ để tạo ra nguồn tài chính đủ để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Công ty cũng đảm bảo rằng việc thu tiền từ hàng xuất đi được thực hiện đầy đủ để đảm bảo khả năng thanh toán tốt và tạo niềm tin cho khách hàng, góp phần nâng cao uy tín và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung, việc quản lý tốt, thực hiện tốt các công tác tài chính, công tác quản lý công nợ phải thu và phải trả sẽ góp phần cải thiện kiểm soát tình hình tài chính của công ty, đảm bảo các khả năng thanh toán, từ đó tạo niềm tin cho các khách hàng và các đối tác, cũng như tạo động lực, cơ sở cho việc mở rộng, tìm kiếm khách hàng mới.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2022, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị về định hướng chiến lược, điều hành sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ cả về vật chất lẫn tinh thần, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đã có nhiều khởi sắc. Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban giám đốc điều hành sản xuất, quy hoạch lại công tác cán bộ, công tác đầu tư và triển khai nhanh các thủ tục để đầu tư máy cắt tự động và xe nâng điện kịp thời, đáp ứng yêu cầu của xưởng cắt và quy hoạch mặt bằng của công ty để sắp xếp mặt bằng 2 kho nguyên liệu và phụ liệu về cùng 1 chỗ. Đồng thời, công ty tăng cường công tác gia công ngoài để gia tăng năng lực sản xuất và tăng hiệu quả kinh doanh. Công ty cũng giải quyết tồn đọng với các khách hàng cũ, triển khai kết nối vào hệ thống xử lý nước thải của Tổng công ty, hoàn thiện báo cáo chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh 04 năm giai đoạn 2022-2025. Công ty cũng đặt sự quan tâm vào việc thu hồi công nợ khó đòi và xây dựng phương án lương phù hợp, ổn định thu nhập cho người lao động, động viên tinh thần cho người lao động yên tâm sản xuất, gắn bó lâu dài với công ty.

Kết quả, Công ty CP 28.1 đã hoàn thành tốt kế hoạch năm 2022, tạo đủ việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động đến hết quý 1/2023.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn một số khó khăn. Thời điểm những tháng đầu năm, tình hình dịch Covid-19 diễn biến vẫn phức tạp. Tình hình khó khăn sau 2 năm dịch để lại, gây nhiều bất lợi cho công ty trong công tác tài chính, huy động vốn (lỗ lũy kế năm 2021 là 22.085.913.375 đồng) kèm theo đó là các tồn đọng về của các đơn hàng bị hủy do dịch Covid-19 cần phải xử lý. Tình hình lao động có giai đoạn biến động bao gồm cả khối lao động trực tiếp và lao động chuyên môn nghiệp vụ, quy mô công ty giảm sâu ảnh hưởng trực tiếp tới năng suất lao động. Nguồn hàng ổn định nhưng nhỏ lẻ, chất liệu đa dạng, phức tạp. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới về cuối năm có nhiều bất ổn, căng thẳng dẫn đến nguồn hàng bị ngưng trệ cục bộ cả đầu vào và đầu ra.

HĐQT cũng như ban giám đốc công ty đã ra nhiều chủ trương giải pháp, lãnh đạo công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2022.

HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát các hoạt dộng của công ty như sau:

- Chu trì và ra các nghị quyết bổ nhiệm, miễm nhiệm Ban giám đốc, thư ký công ty theo sự sắp xếp luân chuyển cán bộ của công ty mẹ.
- Chỉ đạo thực hiện báo cáo thường niên năm và các báo cáo Tài chính năm 2022
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng thường niên năm 2022.
- Thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết mà HĐQT đã ban hành.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	KH 2023/TH 2022
1	Tổng doanh thu	266.920	325.000	121,76%
2	Lợi nhuận trước thuế	12.786	9.500	74,30%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	-	-	-

Giải pháp thực hiện:

Công tác quản lý và đầu tư

- Tuân thủ đúng các chính sách pháp luật nhà nước, quy định của BQP; quy định của cấp trên trực tiếp quản lý doanh nghiệp; quy chế điều lệ, quy chế của công ty. Thực hiện nghiêm các thủ tục mua sắm, đấu thầu theo quy định của Pháp luật.
- Rà soát và hoàn thiện các quy chế quản lý theo đúng các quy định của Pháp luật và tuân thủ nghiêm khi thực hiện.
- Khắc phục, chấn chỉnh các tồn tại theo kết luận của Thanh tra bộ Tài chính và kiểm tra nghiệp vụ của Tổng công ty, tập trung triển khai thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, có biện pháp để khắc phục hết lỗ luỹ kế trong năm 2023 như mục tiêu đã đặt ra, chỉ đạo các phòng nghiệp vụ làm tốt công tác quản trị, hệ thống hồ sơ chứng từ chuẩn bị cho kiểm toán năm 2024.
- Tăng cường công tác quản lý tồn kho, công nợ, lãi vay, có các biện pháp thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, có các biện pháp kiểm soát các rủi ro trong quản trị.
- Tập trung các biện pháp giữ chân, tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động cả trực tiếp và gián tiếp phấn đấu tuyển thêm để quy mô trên 500 lao động; rà soát xắp xếp phân công lại bộ máy để hoạt động hiệu quả; tổ chức đào tạo tay nghề và kỹ năng quản trị cho đội ngũ quản lý, kỹ thuật, ngoại ngữ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Xây dựng lại chính sách tiền lương, tìm biện pháp tăng thu nhập cho người lao động, nhất là tăng tiền lương thực tế hàng tháng.
- Công tác đầu tư phải rà soát tính toán đảm bảo hiệu quả mới đầu tư; tập trung đầu tư vào các MMTB chuyên dùng phù hợp với quy hoạch mặt hàng, các công đoạn cần thiết để tăng năng suất; nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao công tác quản trị. Phải lập phương án đầu tư phân tích hiệu quả đầu tư để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương đầu tư trước khi thực hiện.
- Đánh giá lại tình hình của đơn vị, hoàn thiện lại chiến lược phát triển đến năm 2025 để triển khai thực hiện theo quy định.

Công tác nguồn hàng, khách hàng

- Làm tốt công tác giữ các khách hàng uy tín hiện có, rà soát cơ cấu lại nguồn hàng, khách hàng, đàm phán lại giá cả, tỷ lệ lợi nhuận trên giá FOB, phương thức thanh toán để nâng cao hiệu quả, an toàn về tài chính.
- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới có tiềm năng để đảm bảo đủ nguồn hàng sản xuất trong xưởng và có thêm hàng để đẩy mạnh gia công ngoài tăng bù đắp cho sản xuất trong xưởng. Tìm kiếm đối tác để hợp tác lâu dài và ổn định, xây dựng bộ máy đi gia công ngoài theo hướng chuyên nghiệp.
- Quy hoạch sắp xếp lại mặt bằng nhà xưởng để khai thác cho thuê tối đa tăng thêm nguồn thu, nhất là khi giá đất Quốc phòng tăng lên.

Công tác tổ chức sản xuất

- Triển khai các biện pháp tổ chức sản xuất, thúc đẩy năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng.
- Duy trì và thực hiện tốt các hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và trách nhiệm xã hội để đáp ứng đủ các điều kiện xuất khẩu theo tinh thần của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.
- Khai thác hiệu quả máy móc thiết bị đã đầu tư, duy trì tốt công tác duy tu bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị để ổn định sản xuất.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

65 Hội đồng quản trị

69 Ban kiểm soát

71 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 1.738.661	35,75%
2	Trần Doãn Thoan	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Đại diện: 790.300	16,25%
3	Nguyễn Thiện	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Đại diện: 632.240	13,00%

Ông Nguyễn Trường Sơn – Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

+ Đại diện sở hữu: 11.738.661CP, chiếm 35,75% VĐL

+ Cá nhân sỡ hữu: 0 CP, chiếm 0%VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác: Không có

Ông Trần Doãn Thoan – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

+ Đại diện sở hữu: 790.300 CP, chiếm 16,25%VĐL

+ Cá nhân sỡ hữu: 0 CP, chiếm 0%VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác:

+ Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Ông Nguyễn Thiện – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

+ Đại diện sở hữu: 632.240 CP, chiếm 13,00%VĐL

+ Cá nhân sỡ hữu: 0 CP, chiếm 0%VĐL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác: Không có

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Quyết Thắng	Thành viên HĐQT		29/04/2022
2	Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT		29/04/2022
3	Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT		29/04/2022
4	Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT		29/04/2022
5	Trần Doãn Thoan	Thành viên HĐQT	29/04/2022	
6	Nguyễn Thiện	Thành viên HĐQT	29/04/2022	

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Năm 2022, HĐQT đã sâu sát, chỉ đạo, định hướng chiến lược, điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có nhiều khởi sắc.

Hội đồng quản trị đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty; Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên Hội đồng quản trị; tổ chức họp Hội đồng quản trị định kỳ; Thực hiện giám sát và đánh giá theo từng quý để đảm bảo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát các hoạt động của công ty như sau:

- Chủ trì và ra các nghị quyết bổ nhiệm, miễm nhiệm Ban Giám đốc, Thư ký Công ty theo sự sắp xếp luân chuyển cán bộ của công ty mẹ.
- Chỉ đạo thực hiện báo cáo thường niên năm và các Báo cáo tài chính năm 2022.
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng thường niên năm 2022.
- Thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết mà HĐQT đã ban hành.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý dó không tham dự họp
1	Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	8	100%	
2	Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	2	25%	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
3	Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT	2	25%	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
4	Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	2	25%	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
5	Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT	2	25%	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
6	Trần Doãn Thoan	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	7	87,5%	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2022
7	Nguyễn Thiện	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	7	87,5%	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 8 phiên họp. Nội dung các phiên họp, trao đổi tập trung vào những vấn đề sau:

1. Phiên họp lần thứ 1
Tổ chức ngày 25/02/2022
Nội dung:
- HĐQT thống nhất để ông Nguyễn Vĩnh Long thôi giữ chức Giám đốc và đề cử Ông Trần Doãn Thoan thay giữ chức Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 từ ngày 01/3/2022
- HĐQT thống nhất để ông Vũ Sỹ Nam thôi giữ chức Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch và đề cử Ông Nguyễn Thiện thay giữ chức Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần 28.1 từ ngày 01/3/2022.
- HĐQT thống nhất để bà Lê Mai Dung thôi giữ chức KTT kiêm Trưởng phòng TCKT và đề cử ông Tăng Hùng thay giữ chức KTT kiêm trưởng phòng TCKT Công ty Cổ phần 28.1 từ ngày 01/3/2022.

2. Phiên họp lần thứ 2
Tổ chức ngày 15/03/2022
Nội dung:
- Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ trọng tâm quí 1/2022
- Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2022
- Báo cáo Công tác bàn giao Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng
- Báo cáo Công tác chuẩn bị đại hội cổ đổng thường niên năm 2022

3. Phiên họp lần thứ 3
Tổ chức ngày 27/05/2022
Nội dung:
- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD tháng 5/2022
- Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ trọng tâm quí 2/2022
- Báo cáo Công tác cán bộ và mô hình tổ chức
- Báo cáo Công tác đầu tư và quy hoạch mặt bằng

4. Phiên họp lần thứ 4
Tổ chức ngày 30/06/2022
Nội dung:
- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD quý 2/2022
- Báo cáo Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022
- Báo cáo Kế hoạch các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ trọng tâm 9 tháng năm 2022
- Báo cáo Kế hoạch các chỉ tiêu SXKD quý 4 và cả năm 2022

5. Phiên họp lần thứ 5
Tổ chức ngày 26/08/2022
Nội dung:
- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD 8 tháng đầu năm, kế hoạch tháng 9
- Công tác đầu tư: Dự án đầu tư MMTB bổ sung năm 2022. Dự án qui hoạch kho NPL. Dự án cải tạo khuân viên trước nhà ăn và phòng kỹ thuật

6. Phiên họp lần thứ 6
Tổ chức ngày 22/09/2022
Nội dung:
- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng đầu năm 2022
- Báo cáo Kế hoạch SXKD quý 4, ước thực hiện cả năm 2022
- Dự kiến xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

7. Phiên họp lần thứ 7
Tổ chức ngày 25/10/2022
Nội dung:
- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD tháng 10
- Báo cáo Kế hoạch tháng 11 năm 2022.
- Báo cáo Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.
- Báo cáo Công tác cán bộ, đầu tư, thưởng cuối năm

8. Phiên họp lần thứ 8
Tổ chức ngày 25/11/2022
Nội dung:
- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD tháng 11
- Báo cáo Kế hoạch tháng 12 năm 2022.
- Báo cáo Kế hoạch năm 2023.
- Báo cáo Kết quả khắc phục một số tồn tại theo báo cáo giám sát tài chính đặc biệt.
- Báo cáo Lương, thưởng cuối năm

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2021:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Hoàng Mạnh Cường	Trưởng Ban	-	-
2	Nguyễn Thanh Định	Thành viên	-	-
3	Trần Thị Mỹ	Thành viên	-	-

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng BKS		29/04/2022
2	Hoàng Mạnh Cường	Trưởng BKS	29/04/2022	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của phát luật và điều lệ công ty, giám sát tình hình thực thi nghị quyết của IIĐQT.
- Giám sát HĐQT trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tuân thủ đúng quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Thường xuyên thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT; giám sát công tác điều hành SXKD cũng như thực hiện công tác tài chính của Ban điều hành thông qua việc tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT, BĐH.
- Ban kiểm soát Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT và BGĐ nhằm nắm bắt nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật và lợi ích cổ đông.

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp	Ngày miễn nhiệm	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng Ban	1	25%	Miễn nhiệm từ ngày 23/04/2021
2	Hoàng Mạnh Cường	Trưởng Ban	3	75%	Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2021
3	Nguyễn Thanh Định	Thành viên	4	100%	
4	Trần Thị Mỹ	Thành viên	4	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung các phiên họp, trao đổi tập trung vào những vấn đề sau:

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát;
- Lập kế hoạch hoạt động kiểm tra trong năm 2022;
- Kiểm tra, theo dõi và giám sát việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp hồ sơ chứng từ kế toán và báo cáo tài chính theo quý, năm 2022

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Thu nhập	Thù lao
1	**Hội đồng Quản trị**		
	Nguyễn Trường Sơn	-	14.580.000
	Nguyễn Quyết Thắng	-	3.000.000
	Nguyễn Vĩnh Long	-	3.000.000
	Nguyễn Văn Tài	-	3.000.000
	Vũ Sỹ Nam	68.702.784	3.000.000
	Trần Doãn Thoan	-	6.000.000
	Nguyễn Thiện	356.122.983	6.000.000
2	**Ban Điều hành**		
	Tăng Hùng	289.176.542	-
3	**Ban Kiểm soát**		
	Nguyễn Hữu Phước	-	2.000.000
	Hoàng Mạnh Cường	-	4.000.000
	Nguyễn Thanh Định	-	3.000.000
	Trần Thị Mỹ	-	3.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Công ty mẹ	0300516772	Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2022	Mua hàng hóa: 3.866.643.533

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

Công ty cổ phần 28.1 đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động. Theo đó, Công ty có thể tận dụng được tối đa các nguồn lực trong công ty.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác được cử đi tham gia các Hội thảo trực tuyến/trực tiếp về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm tiếp cận những hướng quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ đó mà Ban Lãnh đạo Công ty có thể cập nhật đầy đủ, chính xác các văn bản hướng dẫn Luật mới của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán, cũng như nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng của thị trường, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư đối với Công ty cổ phần 28.1.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

105 Ý kiến kiểm toán

105 Báo cáo tài chính được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch *(Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)*
Ông Trần Doãn Thoan	Thành viên *(Bổ nhiệm ngày 29/04/2022)*
Ông Nguyễn Thiện	Thành viên *(Bổ nhiệm ngày 29/04/2022)*
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên *(Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)*
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên *(Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)*
Ông Vỹ Sỹ Nam	Thành viên *(Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)*

Ban Giám đốc

Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc *(Bổ nhiệm ngày 01/03/2022)*
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Giám đốc *(Miễn nhiệm ngày 01/03/2022)*
Ông Nguyễn Thiện	Phó Giám đốc *(Bổ nhiệm ngày 01/03/2022)*
Ông Vỹ Sỹ Nam	Phó Giám đốc *(Miễn nhiệm ngày 01/03/2022)*
Ông Nguyễn Văn Tài	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

M.S.D.N: 0304484232-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
Q.GÒ VẤP - TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Doãn Thoan
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

COMPANY LIMITED VAE Since 2001
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số : 2202.10 -23/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần 28.1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 20 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34*, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 024. 62 670 491/492/493 Fax: 024. 62 670 494
Website: www.vae.com.vn

Chi nhánh: Số 17/3 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 028. 6294 1117/6252 1818 Fax: 028. 6294 1119

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 10/03/2022.

Ngô Bá Duy	**Phạm Thị Hiền**
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán	Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1*

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**112.983.075.135**	**70.810.790.648**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1.**	**7.754.754.172**	**8.370.695.514**
1. Tiền	111		7.754.754.172	8.370.695.514
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.424.249.825**	**15.751.028.079**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	12.474.359.910	15.440.845.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	707.824.780	569.183.668
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	650.028.285	382.401.243
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(407.963.150)	(641.402.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.6.**	**90.138.303.318**	**46.606.689.705**
1. Hàng tồn kho	141		90.138.303.318	47.302.561.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(695.871.642)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.665.767.820**	**82.377.350**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	-	82.377.350
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.665.767.820	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**18.062.651.758**	**20.338.759.915**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.000.000**	**10.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**17.220.745.917**	**18.606.785.263**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	17.220.745.917	18.606.785.263
- *Nguyên giá*	*222*		*92.700.354.097*	*90.498.955.271*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*223*		*(75.479.608.180)*	*(71.892.170.008)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**-**
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**831.905.841**	**1.721.974.652**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	831.905.841	1.721.974.652
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**131.045.726.893**	**91.149.550.563**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**90.576.205.897**	**63.466.346.319**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**90.576.205.897**	**63.466.346.319**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	63.997.202.134	30.599.819.703
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	2.530.998.815	5.517.756.651
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	47.405.331	318.467.189
4. Phải trả người lao động	314		4.211.041.785	4.289.056.782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	68.328.140	60.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	1.649.611.340	2.619.540.144
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	17.903.188.493	19.908.055.991
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		168.429.859	153.649.859
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**40.469.520.996**	**27.683.204.244**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.15.**	**40.469.520.996**	**27.683.204.244**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.633.860.000	48.633.860.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*48.633.860.000*	*48.633.860.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.257.619	1.135.257.619
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.299.596.623)	(22.085.913.375)
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		*(22.085.913.375)*	*(9.068.237.583)*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*421b*		*12.786.316.752*	*(13.017.675.792)*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**131.045.726.893**	**91.149.550.563**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Oanh	Tăng Hùng	Trần Doãn Thoan

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1.**	**262.715.114.370**	**139.538.707.848**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	103.673.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**262.611.441.370**	**139.538.707.848**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	224.070.139.698	133.273.749.396
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**38.541.301.672**	**6.264.958.452**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	3.992.537.978	526.489.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	4.059.680.148	1.701.724.985
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*861.503.281*	*1.125.536.412*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	2.944.018.382	1.973.725.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	23.060.330.011	16.744.766.498
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**12.469.811.109**	**(13.628.769.044)**
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	316.529.822	625.369.052
12. Chi phí khác	32	VI.7.	24.179	14.275.800
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	**40**		**316.505.643**	**611.093.252**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**12.786.316.752**	**(13.017.675.792)**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**12.786.316.752**	**(13.017.675.792)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.11.**	**2.629,10**	**(2.676,67)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Oanh	Tăng Hùng	Trần Doãn Thoan

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*12.786.316.752*	*(13.017.675.792)*
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.762.556.272	6.123.000.638
- Các khoản dự phòng	03		(929.310.492)	1.337.273.642
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.874.688.311)	110.784.167
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.360.272)	(1.154.831)
- Chi phí lãi vay	06		861.503.281	1.125.536.412
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		*14.602.017.230*	*(4.322.235.764)*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		581.594.222	146.413.914
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.835.741.971)	(621.160.458)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		32.193.425.024	4.711.811.194
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		972.446.161	205.018.786
- Tiền lãi vay đã trả	14		(861.503.281)	(1.125.536.412)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		14.780.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(1.486.396.151)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*4.667.017.385*	*(2.492.084.891)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.376.516.926)	(30.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.851.852	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.508.420	1.154.831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(3.372.156.654)*	*(29.345.169)*
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		48.394.001.793	57.927.429.335
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(49.976.317.731)	(53.292.147.533)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(1.582.315.938)*	*4.635.281.802*

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(287.455.207)**	**2.113.851.742**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**8.370.695.514**	**6.224.763.750**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(328.486.135)	32.080.022
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1.**	**7.754.754.172**	**8.370.695.514**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Oanh	Tăng Hùng	Trần Doãn Thoan

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04/06/2015 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký lần đầu ngày 01/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 03 năm 2022 về thay đổi người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của Công ty là **48.633.860.000 đồng** *(Bốn mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).*

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh Sản xuất, thương mại và dịch vụ ngành hàng may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may;
- Lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi./.

Trụ sở Công ty tại: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại 31/12/2022 là 446 người (tại 31/12/2021: 475 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 -08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- TSCĐ khác	03 - 07

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bánvà phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã đánh giá lại số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí tiền điện là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu dịch vụ gia công, doanh thu hợp tác kinh doanh, doanh thu cho thuê kho và doanh thu khác.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoải mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền		
Tiền mặt	454.269.148	27.522.198
Tiền gửi ngân hàng	7.300.485.024	8.343.173.316
Cộng	**7.754.754.172**	**8.370.695.514**

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Lever Style Limited	4.437.923.172	-	-	-
APG & Co., PTY Ltd	3.846.772.623	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam	1.345.919.764	-	1.361.190.800	-
Itochu Prominent USA LLC	-	-	5.215.492.334	-
Các đối tượng khác	2.843.744.351	(407.963.150)	8.864.162.034	(641.402.000)
Cộng	**12.474.359.910**	**(407.963.150)**	**15.440.845.168**	**(641.402.000)**

b) ***Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:*** *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Jiangyin Heng Yuan Da Trade Co.,Ltd	-	282.112.738
Công ty TNHH Thương mại vải sợi Minh An	-	156.000.000
Byways Far East Limited	117.774.732	-
Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi Hải Sao	292.685.400	-
Công ty TNHH G-A Ngọc Minh Châu	72.293.688	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gai Thiên Phước	178.050.960	-
Các đối tượng khác	47.020.000	131.070.930
Cộng	**707.824.780**	**569.183.668**

4. Phải thu khác

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	***650.028.285***	-	***382.401.243***	-
Phải thu khác	***650.028.285***	-	***382.401.243***	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	648.882.831	-	352.690.901	-
Thuế GTGT chưa kê khai	1.145.454	-	-	-
Các khoản phải thu khác	-	-	29.710.342	-
b) Dài hạn	***10.000.000***	-	***10.000.000***	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	**660.028.285**	**-**	**392.401.243**	**-**

c) ***Phải thu khác của các bên liên quan:*** *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Nahy	193.504.000	58.051.200	193.504.000	96.752.000
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Travali	389.300.500	116.790.150	1.139.300.500	594.650.500
Cộng	**582.804.500**	**174.841.350**	**1.332.804.500**	**691.402.500**

6. Hàng tồn kho

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	217.867.020	-	789.142.108	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.964.633.087	-	20.951.529.147	(425.234.372)
Công cụ, dụng cụ	33.095.242	-	16.366.727	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.511.632.294	-	5.901.495.439	-
Thành phẩm	33.625.948.316	-	19.637.477.991	(270.637.270)
Hàng hoá	-	-	6.549.935	-
Hàng gửi đi bán	7.785.127.359	-	-	-
Cộng	**90.138.303.318**	**-**	**47.302.561.347**	**(695.871.642)**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đơn vị tính: VND

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2022	**26.257.141.171**	**58.738.757.831**	**2.184.247.890**	**340.536.200**	**2.978.272.179**	**90.498.955.271**
Mua trong năm	-	3.172.813.222	203.703.704	-	-	3.376.516.926
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.029.618.100)	-	(145.500.000)	-	(1.175.118.100)
Số dư ngày 31/12/2022	**26.257.141.171**	**60.881.952.953**	**2.387.951.594**	**195.036.200**	**2.978.272.179**	**92.700.354.097**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư ngày 01/01/2022	**18.839.476.276**	**48.258.801.590**	**1.578.417.071**	**340.536.200**	**2.874.938.871**	**71.892.170.008**
Khấu hao trong năm	659.139.180	3.843.830.332	156.253.452	-	103.333.308	**4.762.556.272**
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.029.618.100)	-	(145.500.000)	-	**(1.175.118.100)**
Số dư ngày 31/12/2022	**19.498.615.456**	**51.073.013.822**	**1.734.670.523**	**195.036.200**	**2.978.272.179**	**75.479.608.180**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	**7.417.664.895**	**10.479.956.241**	**605.830.819**	**-**	**103.333.308**	**18.606.785.263**
Tại ngày 31/12/2022	**6.758.525.715**	**9.808.939.131**	**653.281.071**	**-**	**-**	**17.220.745.917**

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 39.598.142.058 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 28.158.219.258 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Chi phí trả trước

		31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a)	***Ngắn hạn***	*-*	*82.377.350*
	Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	82.377.350
b)	***Dài hạn***	*831.905.841*	*1.721.974.652*
	Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	831.905.841	1.047.387.993
	Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	674.586.659
	Cộng	**831.905.841**	**1.804.352.002**

9. Phải trả người bán

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Prominent (Europe) Ltd	2.439.068.354	2.439.068.354	3.075.984.443	3.075.984.443
Levertex Co Limited	-	-	2.132.242.597	2.132.242.597
Lever Apparel Limited	-	-	16.597.770.311	16.597.770.311
Công ty Cổ phần Kết nối thời trang	2.830.928.994	2.830.928.994	2.605.093.552	2.605.093.552
Lever Style Limited	43.667.103.915	43.667.103.915	-	-
Oktava Limited	1.802.368.974	1.802.368.974	33.344.821	33.344.821
Topsun Garment Limited	4.340.643.700	4.340.643.700	-	-
Các đối tượng khác	8.917.088.197	8.917.088.197	6.155.383.979	6.155.383.979
Cộng	**63.997.202.134**	**63.997.202.134**	**30.599.819.703**	**30.599.819.703**

10. Người mua trả tiền trước

		31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a)	***Ngắn hạn***		
	Oktava Limited	2.021.448.545	-
	Prominent (Europe) Ltd	-	1.600.249.031
	APG & Co., PTY Ltd	-	3.779.033.579
	Các đối tượng khác	509.550.270	138.474.041
	Cộng	**2.530.998.815**	**5.517.756.651**

b) ***Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:*** *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	270.670.110	333.982.337	604.652.447	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	379.145.210	379.145.210	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	73.317.609	73.317.609	-
Thuế thu nhập cá nhân	47.797.079	50.269.793	50.661.541	47.405.331
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.179	24.179	-
Cộng	**318.467.189**	**839.739.128**	**1.110.800.986**	**47.405.331**

12. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Trích trước tiền điện	68.328.140	-
Chi phí phải trả khác	-	60.000.000
Cộng	**68.328.140**	**60.000.000**

13. Phải trả khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	972.591.051	1.561.195.118
Các khoản phải trả, phải nộp khác	567.020.289	663.345.026
Nhận ký quỹ, ký cược	110.000.000	395.000.000
Cộng	**1.649.611.340**	**2.619.540.144**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (*)	17.903.188.493	17.903.188.493	48.394.001.793	50.398.869.291	19.908.055.991	19.908.055.991
Cộng	**17.903.188.493**	**17.903.188.493**	**48.394.001.793**	**50.398.869.291**	**19.908.055.991**	**19.908.055.991**

(*) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 26507.22.201.150496.TD ngày 16/06/2022 với hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Thời gian cấp hạn mức tín dụng là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 24/05/2023. Mục đích là cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của Công ty. Khoản vay được bảo đảm bao gồm: (i) Tiền ký quỹ, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc (nhóm 1), Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm do các tổ chức tín dụng khác phát hành, Bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị (nhóm 2); (ii) Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án Ngân hàng TMCP Quân đội tài trợ, phương án mở LC và (iii) Hàng hóa đã đang và sẽ hình thành trong quá trình sản xuất/kinh doanh/cung cấp dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	**48.633.860.000**	**(9.068.237.583)**	**39.565.622.417**
Lỗ trong năm trước	-	(13.017.675.792)	**(13.017.675.792)**
Số dư tại ngày 31/12/2021	**48.633.860.000**	**(22.085.913.375)**	**26.547.946.625**
Lãi trong năm nay	-	12.786.316.752	**12.786.316.752**
Số dư tại ngày 31/12/2022	**48.633.860.000**	**(9.299.596.623)**	**39.334.263.377**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	17.021.850.000	17.021.850.000
Cộng	**48.633.860.000**	**48.633.860.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	48.633.860.000	48.633.860.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	48.633.860.000	48.633.860.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	*4.863.386*	*4.863.386*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	*4.863.386*	*4.863.386*
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

e) Các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	1.135.257.619	-	-	1.135.257.619
Cộng	**1.135.257.619**	**-**	**-**	**1.135.257.619**

* ***Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp***

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a) Tài sản nhận giữ hộ, gia công	Đơn vị tính	31/12/2022	01/01/2022
Vải các loại	Mét	10.381,60	107.870,12
Nguyên liệu khác	Mét	10.246,90	286.979,91
Nhãn các loại	Cái	83.339,00	1.400.422,00
Phụ liệu các loại	Bộ	583,00	-
Phụ liệu các loại	Cái	143.001,00	-
Phụ liệu các loại	Cặp	19.945,00	-
Phụ liệu các loại	Cuộn	3.196,70	-
Phụ liệu các loại	Mét	213.216,20	-
Phụ liệu các loại	Sợi	38,00	-
Phụ liệu các loại	Tờ	25.344,00	-

b) Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
USD	210.009,02	356.994,65

c) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH May mặc S.M	-	6.308.051.602

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hàng hóa, thành phẩm	260.096.500.566	137.115.871.746
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.618.613.804	2.422.836.102
Cộng	**262.715.114.370**	**139.538.707.848**

b) Doanh thu với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hàng bán bị trả lại	103.673.000	-
Cộng	**103.673.000**	**-**

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán thành phẩm hàng hóa, thành phẩm	223.288.906.101	129.343.655.501
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.172.713.725	813.250.057
Giá vốn khác	-	2.420.972.196
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(391.480.128)	695.871.642
Cộng	**224.070.139.698**	**133.273.749.396**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	2.508.420	1.154.831
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.115.341.247	525.334.720
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	2.874.688.311	-
Cộng	**3.992.537.978**	**526.489.551**

5. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	861.503.281	1.125.536.412
Chiết khấu thanh toán	-	439.451.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.197.911.216	28.501.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	108.235.677
Chi phí tài chính khác	265.651	-
Cộng	**4.059.680.148**	**1.701.724.985**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền hỗ trợ nhận từ khách hàng	152.570.116	584.164.376
Thanh lý tài sản cố định	1.851.852	-
Thu nhập khác	162.107.854	41.204.676
Cộng	**316.529.822**	**625.369.052**

7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính về thuế	24.179	-
Các khoản khác	-	14.275.800
Cộng	**24.179**	**14.275.800**

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a)	**Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**	**2.944.018.382**	**1.973.725.564**
	Chi phí vật liệu, bao bì	68.856.202	41.916.644
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.858.416.387	1.024.129.437
	Chi phí bằng tiền khác	1.016.745.793	907.679.483
b)	**Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**	**23.332.469.661**	**16.744.766.498**
	Chi phí nhân viên quản lý	15.154.220.852	10.346.221.164
	Chi phí đồ dùng văn phòng	2.156.396.282	1.096.512.690
	Chi phí khấu hao TSCĐ	77.787.197	151.620.528
	Thuế, phí và lệ phí	229.354.445	139.610.399
	Chi phí dự phòng	38.700.800	641.402.000
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.526.634.988	1.284.326.087
	Chi phí bằng tiền khác	3.149.375.097	3.085.073.630
c)	**Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**	**(272.139.650)**	**-**
	Hoàn nhập dự phòng phải thi khó đòi	(272.139.650)	-
	Cộng	**26.004.348.393**	**18.718.492.062**

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.454.111.656	60.055.149.116
Chi phí nhân công	60.608.112.817	50.485.980.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.762.556.272	6.123.000.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.116.392.654	14.043.033.242
Chi phí khác bằng tiền	34.085.326.215	8.189.404.633
Cộng	**285.026.499.614**	**138.896.568.546**

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	12.786.316.752	(13.017.675.792)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	641.365.376	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(13.427.682.128)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(13.017.675.792)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.786.316.752	(13.017.675.792)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.786.316.752	(13.017.675.792)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.863.386	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.629,10	(2.676,67)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	422.551.560	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	48.394.001.793	57.927.429.335
Cộng	**48.394.001.793**	**57.927.429.335**

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	49.976.317.731	53.292.147.533
Cộng	**49.976.317.731**	**53.292.147.533**

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Công ty mẹ sở hữu 65% vốn góp
Công ty Cổ phần 28 Quãng Ngãi	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bình Phú	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp May đo	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng	**595.046.384**	**3.151.777.223**
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	3.147.487.915
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	-	4.289.308
Công ty Cổ Phần 28 Quảng Ngãi	404.854.184	-
Công ty Cổ phần Bình Phú	190.192.200	-
Bán hàng	**3.866.643.533**	**13.602.092.550**
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	2.114.667.000	5.521.506.250
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp May đo	-	2.855.538.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.751.976.533	4.626.810.750
Công ty Cổ phần 28 Quãng Ngãi	-	596.737.550
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	-	1.500.000

b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng	**-**	**611.410.900**
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	-	470.319.100
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp May đo	-	141.091.800
Người mua trả trước	**360.448.320**	**-**
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	360.448.320	-

c) Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	848.581.052	821.134.316
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	50.580.000	74.580.000
Cộng	**899.161.052**	**895.714.316**

(*) Thu nhập năm 2021 được bổ sung thu nhập của Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm:

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		**38.580.000**	**62.580.000**
Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch	14.580.000	14.580.000
Nguyễn Quyết Thắng	Phó chủ tịch	3.000.000	12.000.000
Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	3.000.000	12.000.000
Nguyễn Văn Tài	Thành viên	3.000.000	12.000.000
Huỳnh Thanh Điền	Thành viên	-	5.000.000
Vũ Sĩ Nam	Thành viên	3.000.000	7.000.000
Trần Doãn Thoan	Thành viên	6.000.000	-
Nguyễn Thiện	Thành viên	6.000.000	-
Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc		**848.581.052**	**821.134.316**
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT, Giám đốc *(Điều chuyển công tác từ tháng 3/2022)*	82.090.410	360.114.074

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ông Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc *(Điều chuyển công tác từ tháng 3/2022)*	68.702.784	227.117.733
Nguyễn Thiện	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	356.122.983	-
Lê Mai Dung	Kế toán trưởng *(Điều chuyển công tác từ tháng 3/2022)*	52.488.332	233.902.510
Tăng Hùng	Kế toán trưởng *(Bổ nhiệm từ tháng 03/2022)*	289.176.542	-
Thù lao của Ban kiểm soát		**12.000.000**	**12.000.000**
Nguyễn Hữu Phước	Trưởng Ban kiểm soát	2.000.000	6.000.000
Hoàng Mạnh Cường	Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000	-
Nguyễn Thanh Định	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000	3.000.000
Trần Thị Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000	3.000.000

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	**31/12/2022** **VND**	**01/01/2022** **VND**
Các khoản vay	17.903.188.493	19.908.055.991
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.754.754.172	8.370.695.514
Nợ thuần	10.148.434.321	11.537.360.477
Vốn chủ sở hữu	40.469.520.996	27.683.204.244
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	25%	42%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022 **VND**	**01/01/2022** **VND**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.754.754.172	8.370.695.514
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.726.425.045	15.191.844.411
Cộng	**20.481.179.217**	**23.562.539.925**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	17.903.188.493	19.908.055.991
Phải trả người bán và phải trả khác	65.646.813.474	33.219.359.847
Chi phí phải trả	68.328.140	60.000.000
Cộng	**83.618.330.107**	**53.187.415.838**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2022	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	65.646.813.474	-	**65.646.813.474**
Chi phí phải trả	68.328.140	-	**68.328.140**
Các khoản vay	17.903.188.493	-	**17.903.188.493**

01/01/2022	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	33.219.359.847	-	**33.219.359.847**
Chi phí phải trả	60.000.000	-	**60.000.000**
Các khoản vay	19.908.055.991	-	**19.908.055.991**

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2022	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.754.754.172	-	**7.754.754.172**
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.716.425.045	10.000.000	**12.726.425.045**

01/01/2022	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.370.695.514	-	**8.370.695.514**
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.181.844.411	10.000.000	**15.191.844.411**

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Oanh	Tăng Hùng	Trần Doãn Thoan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
Date: 2023.03.22 16:28:36 +07'00'

TRẦN DOÃN THOAN